

Bản án số: 06/2024/KDTM-PT
Ngày: 05/9/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đ

Ông Đặng Văn L

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng T - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 06/2024/TLPT-KDTM ngày 12/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2024/KDTM-ST ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2024/QĐ-PT ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp S, xã T, huyện L, tỉnh Đồng T.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Ngọc A, chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc A là ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số D, Tổ I, khóm A, phường A, TP., tỉnh Đồng T.

2. Bị đơn: Công ty CP T2

Địa chỉ: Tổ B, ấp Thanh Mỹ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Khắc T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền là ông **Lưu Quốc T1**, sinh năm 1970 - Trợ lý Tổng Giám Đốc; Địa chỉ: **D T, phường L, quận C, TP .**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/10/2020 **Công ty trách nhiệm hữu hạn C** có ký hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản số 094/20/HĐMB, ngày 15/10/2020 với **Công ty cổ phần T2** . Từ ngày 19/10/2020 đến ngày 30/9/2023 **Công ty trách nhiệm hữu hạn C** cung cấp thức ăn thủy sản cho **Công ty cổ phần T2** tổng số tiền 81.666.967.439đ, đã thanh toán 52.606.025.000đ, còn nợ lại 29.060.942.439đ. Ngày 31/8/2023 hai bên có đối chiếu xác nhận công nợ theo biên bản xác nhận công nợ từ ngày 19/10/2020 đến ngày 30/9/2023.

* Cách tính tiền lãi của **Công ty trách nhiệm hữu hạn C** như sau:

- Ngày 19/10/2020 đến ngày 30/09/2023 số tiền lãi là 6.929.551.439 đồng;
- Ngày 01/10/2023 đến ngày 12/12/2023 số tiền lãi là 549.965.066 đồng (22.131.391.000 đồng x 1,05%/tháng x 02 tháng + 11 ngày = 549.965.066 đồng);
- Ngày 13/12/2023 đến ngày 07/01/2024 số tiền lãi là 199.575.658 đồng (21.931.391.000 đồng x 1,05%/tháng x 26 ngày = 199.575.658 đồng);
- Ngày 08/01/2024 đến ngày 06/02/2024 số tiền lãi là 228.179.605 đồng (21.731.391.000 đồng x 1,05%/tháng x 30 ngày = 228.179.605 đồng);
- Ngày 07/02/2024 đến ngày 19/02/2024 số tiền lãi là 97.512.829 đồng (21.431.391.000 đồng x 1,05%/tháng x 13 ngày = 97.512.829 đồng);
- Ngày 20/02/2024 đến ngày 29/02/2024 số tiền lãi là 74.134.868 đồng (21.181.391.000 đồng x 1,05%/tháng x 10 ngày = 74.134.868 đồng);
- Ngày 01/03/2024 đến ngày 28/03/2024 số tiền lãi là 207.577.631 đồng (21.181.391.000 đồng x 1,05%/tháng x 28 ngày = 207.577.631 đồng)

Nay, **Công ty trách nhiệm hữu hạn C** yêu cầu **Công ty Cổ phần T2** - Đại diện là: ông **Trần Văn L** - Chức vụ: Tổng Giám đốc phải có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho **Công ty C** số tiền (gốc và lãi) còn nợ là 29.467.888.096 (Trong đó: Nợ gốc 21.181.391.000đồng, nợ lãi 8.286.497.096đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 19/10/2020 đến ngày 28/03/2024).

Đồng thời, **Công ty trách nhiệm hữu hạn C** yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 29/03/2024 đến ngày xét xử xong vụ án và tiếp tục tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án với mức lãi suất bằng 1,05%/tháng. Theo hợp đồng đã ký số 094/20/HĐMB

ngày 15/10/2020 thì đã nói rõ về việc phải trả lãi suất nên Công ty trách nhiệm hữu hạn C không thể bỏ lãi cho Công ty cổ phần T2. Đối với các phương án trả nợ do Công ty cổ phần T2 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn C không đồng ý.

Ngoài ra không còn yêu cầu khác.

Bị đơn Công ty cổ phần T2 do ông Trần Văn L là đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty cổ phần T2 thừa nhận đến ngày 28/3/2024 còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền là 21.181.391.000đ tiền vốn gốc.

Đối với số tiền lãi thì phía Công Ty T2 có ý kiến không đồng ý trả. Do Công ty C giao thức ăn chưa đủ hạn mức trong hợp đồng được ký kết giữa hai bên dẫn đến hai bên đều gặp khó khăn. Vì vậy, hai bên bàn bạc đi đến thống nhất là không tính lãi suất. Việc đồng ý không tính lãi suất được thể hiện bằng xác nhận đối chiếu công nợ hàng tháng của hai bên. Công ty cổ phần T2 đã đưa ra 03 phương án trả nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C như sau:

Một là: Công ty trách nhiệm hữu hạn C sẽ lấy cá;

Hai là: Công ty trách nhiệm hữu hạn C sẽ lấy xe hoặc lấy đất;

Ba là: Đối với phương án trả tiền thì Công ty cổ phần T2 xin trả dần do tình hình kinh tế khó khăn, không xuất khẩu được. Hôm nay tôi đã nhận được bản khai đề ngày 28/3/2024 và bản chi tiết lãi trả chậm từ ngày 01/10/2023 đến ngày 28/3/2024.

Tóm lại: Công ty cổ phần T2 đồng ý trả số tiền vốn gốc là 21.181.391.000đ. Không đồng ý trả số tiền lãi 8.286.497.096đồng.

Ngoài ra không còn yêu cầu khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2024/KDTM-ST ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh L quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự ;

Căn cứ Điều 30; Điều 147 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật kinh doanh thương mại.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần T3 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền nợ gốc 21.181.391.000đ (Hai mươi một tỷ một trăm tám mươi một triệu ba trăm chín mươi một ngàn đồng) và tiền lãi số tiền 8.768.373.741đ (Tám tỷ bảy trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng) làm tròn 8.768.374.000đ (Tám tỷ bảy trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 3.6.2024) số tiền vốn gốc 21.181.391.000đ (Hai mươi một tỷ một trăm tám mươi một triệu ba trăm chín mươi một ngàn đồng) Công ty Cổ phần T2 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi suất 0.035%/ngày cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn xử lý về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, bị đơn Công ty Cổ phần T2 có đơn kháng cáo với nội dung:

Không đồng ý Bản án sơ thẩm. Đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn số tiền 8.768.374.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không đồng ý theo yêu cầu của bị đơn và thống nhất nội dung bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Kiểm sát viên trình bày nội dung, phân tích đánh giá chứng cứ, căn cứ pháp luật và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty CP T2 còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Về nội dung:

Vào ngày 15/10/2020 Công ty TNHH C (Gọi tắt là Công ty C) ký Hợp đồng mua bán với Công ty CP T2 (Gọi tắt là Công ty T2) nội dung Công ty C cung cấp thức ăn thủy sản cho Công ty T2 và có tính lãi suất khi vi phạm thỏa thuận, hình thức và nội dung đúng theo quy định pháp luật. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 19/10/2020 đến ngày 30/9/2023 Công ty C cung cấp thức ăn trị giá thành tiền và tính lãi vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty T2 nợ Công ty C số tiền 81.666.967.439 đồng. Công ty T3 nợ được 52.606.025.000 đồng và còn nợ 29.060.942.439 đồng, trong đó nợ gốc 21.181.391.000 đồng, nợ lãi 8.768.374.000 đồng. Số tiền nợ gốc đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất nợ gốc theo đối chiếu công nợ là 21.181.391.000 đồng nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét số tiền nợ lãi 8.768.374.000 đồng, Công ty C không đồng ý trả lãi là không có căn cứ theo Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận ký kết tại điểm 5.2 Điều 5 Hợp đồng mua bán số 094/20/HĐMB ngày 15/10/2020 giữa Công ty C và Công ty T2 thể hiện “Lãi suất chậm trả 0,035%/ngày được tính từ ngày thứ 8 kể từ ngày bên bán xuất hóa đơn, việc Công ty C tính lãi 8.768.374.000 đồng là thực hiện theo hợp đồng do hai bên tự nguyện thỏa thuận ký kết phù hợp pháp luật. Công ty C không đồng ý bỏ lãi suất, ngoài lời trình bày của Công ty T2 không có chứng cứ gì chứng minh phần lãi suất, án sơ thẩm xử buộc Công ty T3 cho Công ty C số tiền nợ gốc 21.181.391.000 đồng và lãi 8.768.374.000 đồng là có căn cứ nên không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty CP T2 và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty CP T2, y án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 138; Điều 147, Điều 157; Điều 217; Điều 227; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385; Điều 401 Bộ luật dân sự; Điều 24; Điều 50; Điều 306 của Luật thương mại; Điều 280; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần T3 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền nợ gốc 21.181.391.000đ (Hai mươi một tỷ một trăm tám mươi một triệu ba trăm chín mươi một ngàn đồng) và tiền lãi số tiền 8.768.373.741đ (Tám tỷ bảy trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng) làm tròn 8.768.374.000đ (Tám tỷ bảy trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày người được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty CP T2 phải nộp 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001292 ngày 25/6/2024 và biên lai số 0001347 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh L.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- TAND huyện LH 01;
- THADS huyện LH 01;
- Các ĐS ;
- HCTP 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 02.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đ